

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2018

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Đào.

2. Bà Đậu Thị Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thuỳ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẩn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở. Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987

Địa chỉ nơi thường trú: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1989

Địa chỉ nơi thường trú: Thôn 9, xã Q, huyện Q, Tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 26/10/2017, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trần Văn P tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 05/02/2016. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chưa làm lễ cưới nên hai bên ai ở nhà người ấy được một thời gian ngắn. Sau đó hai bên vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống cùng một nơi được khoảng 05 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, không cùng quan điểm sống, không hiểu và thông cảm

cho hoàn cảnh của nhau nên không ai bảo được ai. Từ đó dẫn đến hai bên thường xuyên có lời nói xúc phạm, thiếu tôn trọng, thỉnh thoảng còn cãi vã nhau căng thẳng nên chị N đã tự ý bỏ về tỉnh Bình Dương làm ăn sinh sống từ tháng 10/2016 cho đến nay. Thời gian đầu chị N bỏ về tỉnh Bình Dương, anh P thỉnh thoảng có điện thoại hỏi thăm nhưng sau đó thì không điện nữa. Từ đó hai bên sống ly thân, hai bên không gặp lại nhau và không quan tâm đến nhau. Hiện nay chị N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được. Vì vậy, chị N kiên quyết xin được ly hôn anh P để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Chị N khai nhận chị và anh Trần Văn P chỉ mới kết hôn nhưng chưa sống chung với nhau nên không có con chung và tài sản chung gì. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho anh Trần Văn P nhưng anh P đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú và gia đình của anh P, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã cử cán bộ văn thư liên lạc giao đầy đủ cho anh Trần Văn P, nhưng không gặp anh P nên đã giao cho bố, mẹ anh P; bố anh P là ông Trần Minh B thừa nhận gia đình đã nhận được các giấy tờ do Tòa án tổng đạt cho anh P nhiều lần, lần thứ nhất gia đình đã giao cho anh P, còn các lần sau thì không giao được cho anh P vì từ ngày 29/11/2017 anh P đi học tiếng Hàn Quốc ở tỉnh Bắc Giang, nhưng đến ngày 06/12/2017 anh P có về nhà làm giấy tờ nên gia đình cũng đã giao các văn bản tố tụng cho anh P, anh P đã biết được việc chị N làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch và anh nói tùy theo chị N muốn làm gì thì làm chứ anh không đến Tòa án để giải quyết việc chị N xin ly hôn anh. Ngoài ra, ông B còn cho biết chị N, anh P đã đăng ký kết hôn và làm thủ tục theo luật Công giáo nhưng chưa tổ chức đám cưới, hơn nữa do hai bên sống mỗi người một nơi nên chưa có con và tài sản chung.

Việc anh P đã biết rõ Tòa án triệu tập anh đến Tòa để giải quyết việc chị N xin ly hôn anh, nhưng anh không đến và không trình bày ý kiến, quan điểm của mình bằng văn bản gửi cho Tòa án, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mà vẫn vắng mặt không có lý do, cố tình gây khó khăn cho người khởi kiện. Vì vậy, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và ngày 03/01/2018 đã đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh P vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án được Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý. Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất

nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên đã hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện bị đơn cố tình vắng mặt nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn; về nội dung vụ án: thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Trần Văn P; về quan hệ con chung và tài sản chung: Không có nên không xem xét; về án phí chị N phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 10 năm 2017 của chị Nguyễn Thị N. Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử anh Trần Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do. Ngày 03/01/2018 Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh P vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên đã hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Văn P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải sống chung cùng nhau và biết thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, thông cảm và tạo điều kiện về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng do hai bên chưa làm lễ cưới nên không sống chung mà đưa nhau vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn cùng một nơi, trong quá trình làm việc chung do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên thường xảy ra xung đột, có lời nói xúc phạm và thiếu tôn trọng lẫn nhau, dẫn đến cãi vã nhau căng thẳng nên chị N đã bỏ vào tỉnh Bình Dương làm ăn từ tháng 10/2016 cho đến nay, hai bên sống ly thân, không quan tâm lo lắng gì cho nhau, nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, dẫn đến không còn tình cảm, không thể sống chung cùng nhau được. Vì vậy, chị N không thể trở lại cuộc sống chung cùng anh P được nên đã kiên quyết xin ly hôn. Còn anh P, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập nhiều lần, cũng như đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nên anh P đã biết rõ việc chị N làm đơn xin ly hôn anh và vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nhưng đã cố tình vắng mặt, cố tình không chấp hành theo triệu tập của Tòa án nhằm gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Điều này cũng thể hiện việc anh P không hề quan tâm, lo lắng gì đến gia đình, mà để mặc cho chị N sống ra sao thì sống, muốn làm gì thì làm, đã cố tình từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu

thuần vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con và tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N khai nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị N, anh P được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147 và điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn P.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Trần Văn P. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự ly hôn sơ thẩm: xử buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0002200 ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án

Nơi nhận:

- VKSND huyện Q;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Q;

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

- TAND tỉnh Q (02 bản);
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Viết Hải